TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13/12/2021.
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phan Thị Hà**.
2. Bà: **Lê Thị Sáu**.
Thư K phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021 về việc "*Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2021 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐDS-ST ngày 07/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph , sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 7, xã L.A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn K , sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 7, xã L.A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông K sống chung, kết hơn với nhau từ năm 1997 đến ngày 03/12/2001 thì ly hôn theo quyết định số 47/QĐ-TTLH của tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm. Năm 2002, bà Ph và ông K quay về sống lại với nhau đến ngày 17/7/2008 đăng K kết hôn lại tại UBND xã L.A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống lại không hạnh phúc nhưng vì các con bà Ph cố gắng chịu đựng. Nguyên nhân là do ông K thường nhậu về đánh đập bà Phương, buộc bà Ph phải ra ở trọ cho đến nay. Do không thể chịu đựng được nữa nên bà Ph xin được ly hôn với ông K .

- Về con chung: Bà Ph trình bày bà và ông K có 03 con chung là cháu Trần Lê Gia Bảo, sinh năm 2001; Trần Lê Bảo Ngọc, sinh ngày 17/8/2008; Trần Lê Gia Điền, sinh ngày 29/01/2011. Cháu Bảo đã thành niên, không mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên bà Ph không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Ngọc và Điền bà Ph đồng ý nhận nuôi, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/cháu/tháng, cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Bà Ph trình bày trong thời gian kết hôn bà và ông K có tạo lập tài sản chung là căn nhà xây cấp 04 và công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 543 tờ bản đồ 32 xã L.A . Theo định giá thì căn nhà trị giá 366.840.000đ, bà Ph đồng ý giao nhà cho ông K và nhận ½ giá trị bằng tiền mặt là 183.420.000đ. Đối với tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba bánh theo định giá là 53.700.000đ, bà Ph đồng ý giao cho ông K và nhận ½ giá trị bằng tiền mặt là 26.850.000đ.

* Về nợ chung: Bà Ph trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

* Về chi phí tố tụng: Tòa án đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản hết 15.818.000đ, bà Ph đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh trình bày của mình là có căn cứ ngoài các giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận kết hôn bà Ph cung cấp Đơn xin xác nhận ngày 14/11/2021, Đơn xin xác xin xác nhận có nhà ở ngày 14/4/2021.

Tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K xác nhận về quan hệ hôn nhân như bà Ph trình bày là đúng, quá trình chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông K có đánh, chửi và đuổi mẹ con bà Ph đi nơi khác ở, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà Ph .

- Về con chung: Ông K xác nhận ông và bà Ph có 03 con chung như bà Ph trình bày. Ông đồng ý giao cháu Ngọc và Điền cho Ph trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng 2.500.000đ/cháu/tháng, cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn cháu Bảo đã thành niên, không mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên ông K không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông K cho rằng ông và bà Ph không có tài sản chung. Bà Ph yêu cầu ông chia căn nhà xây cấp 04, công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 543 tờ bản đồ 32 xã L.A và tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba bánh ông không đồng ý vì đây là tài sản riêng của ông.

* Về nợ chung: Ông K trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

* Về chi phí tố tụng: Ông K đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh trình bày của mình là có căn cứ ông K cung cấp Đơn xin xác nhận ngày 27/6/2021.

- Tại lời khai ngày 07/12/2021, ông Đoàn Ngọc Ngân xác nhận tháng 4/2018 ông K có vay của ông 100.000.000đ để làm nhà ở, do là cho anh em kết nghĩa nên ông

không lấy lãi suất; khi vay không liên quan gì đến bà Ph , ông K đã trả được 10.000.000đ, hiện còn nợ 90.000.000đ, ông Ngân không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông K .

- Về con chung: Bà Ph thay đổi yêu cầu, đồng ý giao con cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng; bà không cấp dưỡng nuôi con thì ông K đồng ý.

- Về tài sản chung: Bà Ph cho rằng căn nhà và cả công trình phụ được xây dựng hết hơn 400.000.000đ. Trong đó khoảng hơn 300.000.000đ là do vợ chồng tích gốp được, trong khoảng 300.000.000đ này có hơn 100.000.000đ vợ chồng đã gởi tại Quỹ tín dụng nhân dân L.A vào năm 2015 đã rút ra từ năm 2018, phần còn lại vợ chồng vay mượn và đã trả xong hiện nay không còn nợ ai; còn ông K thì cho rằng căn nhà là tài sản riêng của ông được xây dựng bằng tiền tích góp của riêng ông trong thời gian chung sống với bà Ph và 100.000.000đ ông vay của ông Đoàn Ngọc Ngân. Riêng số tiền gởi Quỹ tín dụng L.A đã rút ra từ năm 2017, ông K giữ số tiền này để chi trả các khoản nợ. Đối với các tài sản như tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba bánh đều là do ông bỏ tiền ra mua nên không đồng ý chia cho bà Ph .

- Về nợ chung: Bà Ph cho rằng khoản nợ 100.000.000đ mà ông K mượn của ông Ngân vào thời gian nào bà không biết, bà không K vào giấy nợ vay, không được sử dụng số tiền này. Đây là nợ riêng của ông K , bà không liên quan. Còn ông K thì cho rằng ông mượn số tiền của ông Ngân là để xây nhà, nay bà Ph tranh chấp cho rằng tài sản chung. Nếu xác định nhà là tài sản chung của vợ chồng thì ông yêu cầu bà Ph chịu trách nhiệm trả nợ ½.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Ph và ông K được ly hôn với nhau; giao con chung cho ông K nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; xác định căn nhà, công trình phụ và tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba gác là tài sản chung của vợ chồng và chia cho bà Ph ½; đối với số tiền nợ ông Ngân, do ông Ngân không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Buộc ông K hoàn trả cho bà Ph ½ chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm đối phần tài sản được hưởng; buộc bà Ph chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối phần tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông K tự nguyện kết hôn tại UBND xã L.A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/7/2008 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại phiên tòa, cả bà Ph và ông K đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và thống nhất ly hôn. Điều này cho thấy thời gian qua vợ chồng sống không hạnh phúc,

mâu thuẫn kéo dài đã khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Ph và ông K được ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy tại phiên tòa bà Ph và ông K thống nhất giao con cho ông K nuôi dưỡng là tự nguyện và phù hợp với điều kiện của ông K nên cần chấp nhận. Do đó, cần giao con cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông K thừa nhận toàn bộ tài sản gồm căn nhà cấp 4, công trình phụ, tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba bánh đều do ông tạo lập, mua sắm trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Ph ; ông K không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đây là tài sản riêng của ông nên căn cứ khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân gia đình xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Do căn nhà, công trình phụ được xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng riêng của ông K ; các tài sản như tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba bánh ông K hiện đang quản lý sử dụng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình cần giao cho ông K được quyền sở hữu, sử dụng; Toàn bộ tài sản gồm căn nhà cấp 4, công trình phụ, tivi, giàn karaoke, tủ lạnh, xe ba bánh theo kết quả định giá và được ông K , bà Ph thống nhất là 420.540.000đ, ông K có trách nhiệm thanh toán cho bà Ph ½ là 210.270.000đ.

[4] Về nợ chung: Tại phiên tòa ngày 07/12/2021, ông K khai nhận năm 2018 ông vay của ông Đoàn Ngọc Ngân 100.000.000đ để làm nhà ở, khi vay và quá trình sử dụng số tiền này bà Ph không biết. Bà Ph thì cho rằng đây là nợ riêng ông K . Do ông Ngân không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có tranh chấp, ông Ngân có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158, 165 và 166 Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông K có trác nhiệm thanh toán cho bà Ph ½ chi phí tố tụng là 15.818.000đ/2 là 7.909.000đ.

[6] Về án phí:

- Bà Ph phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 5% trên trị giá tài sản được chia là 10.513.500đ (210.270.000đ x5%)

- Ông K phải nộp 5% trên trị giá tài sản được chia là 10.513.500đ (210.270.000đ x5%)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33, 59, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Phương về việc "*Ly hôn*" đối với bị đơn ông Trần Văn K , xử cho bà Lê Thị Ph và ông Trần Văn K được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Bảo Ngọc, sinh ngày 17/8/2008; Trần Lê Gia Điền, sinh ngày 29/01/2011. Ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình."

- Về tài sản chung:

- Giao cho ông Trần Văn K được quyền sở hữu, sử dụng 01 căn nhà xây cấp bao gồm toàn bộ công trình phụ có diện tích 63m^2 được xây dựng trên thửa đất số 543 tờ bản đồ 32 xã L.A , huyện Bảo lâm, tỉnh Lâm Đồng; 01 tivi Sony 49 inch, 01 giàn karaoke gồm 01 đầu karaoke hiệu Guiness 01 amly hiệu Omaton 01 đầu đĩa Acnos 02 loa hiệu HTV-IXH, 01 tủ lạnh hiệu sharp dung tích 196 lít, 02 tủ đông hiệu sanaky dung tích 235 và 305 lít, 01 xe ba bánh biển kiểm soát 60P6-7879.

- Ông K có trách nhiệm thanh toán cho bà Ph 210.700.000đ (Hai trăm mười triệu bảy trăm ngàn đồng) trị giá ½ tài sản chung được chia.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn K có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Ph 7.909.000đ (bảy triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng) chi phí tố tụng.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015".

- Về án phí: Bà Ph phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 10.513.500đ (Mười triệu năm trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông K phải nộp 10.513.500đ (Mười triệu năm trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ph , ông K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/12/2021 để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2)
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L.A ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hà **Lê Thị Sáu** **Nguyễn Văn Linh**